

**BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT**

Lần đầu: 27-02-2010

264/H169

3 2861 / 3

Cao khô milk thistle 180mg tương đương với 140mg silymarin

Hergamin DHT

140mg

Box of 10 bilators x 10 capsules

RX Prescription drug

Hergamin DHT

140mg

Powdered milk thistle extract 180mg equivalent to silymarin 140mg



DHT
HATPHAM

COMPOSITION: Each capsule contains:
Powdered milk thistle extract 180mg
Equivalent to silymarin 140mg
Excipients q.s.f. 1 capsule

INDICATIONS, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS, AND OTHER INFORMATION: See the package insert inside.

STORAGE: Keep in a dry place, below 30°C

SPECIFICATIONS: Manufacturer's

Keep out of reach of children.
Carefully read the accompanying instructions before use.

Manufacturer: HA TAY PHARMACEUTICAL J.S.C
Population groups No. 4, La Khe Ward, Ha Dong District, Ha Noi

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng

RX Thuốc kê đơn

Hergamin DHT

140mg

Cao khô milk thistle 180mg tương đương với 140mg silymarin



DHT
HATPHAM

THÀNH PHẦN: Mỗi viên nang cứng chứa:
Cao khô milk thistle 180mg
Tương đương với 140mg silymarin
Tã được vđ 1 viên

CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

BẢO QUẢN: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG: TCCS

Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Tổ dân phố số 4, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

SĐK (Reg.No) :
Số 10 SX (Lic.No) :
NSX (Mfg.Date) :
HĐ (Exp.Date) :



Cao khô milk thistle 186mg tương đương với 140mg silymarin

140mg

Hergamin DHT

Rx Thuốc kê đơn

THÀNH PHẦN: Mỗi viên nang cứng chứa:
Cao khô milk thistle 186mg
tương đương với 140mg silymarin
Tá dược vđ 1 viên

CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

BẢO QUẢN: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

TÌU CHUẨN ÁP DỤNG: TCCS.

ĐỀ XÁ TÂM TAY TRẺ EM

ĐỘC KÝ HƯƠNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

Cơ sở sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Tổ dân phố Số 4, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

SDX (Reg.No) :

SS (Lot No) :

NSX (Mfg.Date) :

HD (Exp.Date) :

Hộp 6 vỉ x 10 viên nang cứng

140mg

Hergamin DHT

Cao khô milk thistle 186mg tương đương với 140mg silymarin

COMPOSITION: Each capsule contains:

Powdered milk thistle extract 186mg
equivalent to silymarin 140mg

Excipients q.s.f. 1 capsule

INDICATIONS, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND OTHER INFORMATION: See the package insert inside.

STORAGE: Keep in a dry place, below 30°C.

SPECIFICATIONS: Manufacturer's.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN

CAREFULLY READ THE ACCOMPANYING

INSTRUCTIONS BEFORE USE.

Manufacturer: HA TAY PHARMACEUTICAL J.S.C

Population groups No. 4, La Khê Ward, Ha Dong District,

Ha Noi City

Rx Prescription drug

Hergamin DHT

140mg

Powdered milk thistle extract 186mg equivalent to silymarin 140mg



DHT
HAT PHAR



Cao khô milk thistle 180mg tương đương với 140mg silymarin

Hergamin DHT

140mg

Rx Thuốc kê đơn

Hộp 5 vỉ x 10 viên nang cứng

Hergamin DHT

140mg

Cao khô milk thistle 180mg tương đương với 140mg silymarin



DHT
HATIPHAR

THÀNH PHẦN: Mỗi viên nang cứng chứa:
Cao khô milk thistle 180mg
tương đương với 140mg silymarin
Tà được vđ 1 viên

CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

BẢO QUẢN: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

TIÊU CHUẨN AP DỤNG: TCCS.

ĐỂ XA TẮM TRẺ EM ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

Cơ sở sản xuất:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Tổ dân phố số 4, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

SPK (Reg.No) :
Số SX (Lot.No) :
NSX (Mfg.Date) :
HD (Exp.Date) :

Rx Prescription drug

Box of 5 blisters x 10 capsules

Hergamin DHT

140mg

Powdered milk thistle extract 180mg equivalent to silymarin 140mg



DHT
HATIPHAR

COMPOSITION: Each capsule contains:
Powdered milk thistle extract 180mg
equivalent to silymarin 140mg
Excipients q.s.f. 1 capsule

INDICATIONS, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND OTHER INFORMATION: See the package insert inside.

STORAGE: Store in a dry place, below 30°C.

SPECIFICATIONS: Manufacturer's.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN

CAREFULLY READ THE ACCOMPANYING INSTRUCTIONS BEFORE USE

Manufacturer: HA TAY PHARMACEUTICAL J.S.C
Population groups No.4, La Khê Ward, Hà Đông District, Hà Nội City



Thành phần/ Composition:

Mỗi viên nang cứng chứa/ Each capsule contains:
Cao khô milk thistle (tương đương với 140mg silymarin)/ Powdered milk thistle extract (equivalent to silymarin 140mg) 186mg
Tá dược vđ/ Excipients q.s.f 1 viên/ 1 capsule

Cơ sở sản xuất/ Manufacturer:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY/ HA TAY PHARMACEUTICAL J.S.C
Tổ dân phố số 4, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội/
Population groups No. 4, La Khe Ward, Ha Dong District, Ha Noi City.

Rx Thuốc kê đơn

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng

Hergamin DHT

140mg

Cao khô milk thistle 186mg tương đương với 140mg silymarin



DHT
HATAPHAR

Cao khô milk thistle 186mg tương đương với 140mg silymarin
Hergamin DHT
140mg



Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác/ Indications, administration, contraindications and other information:

Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo/
See the package insert inside.

Bảo quản/ Storage: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C/
Store in a dry place, below 30°C.

Tiêu chuẩn/ Specifications:
TCCS / Manufacturer's.

**Đề xa tầm tay trẻ em.
Độc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Keep out of reach of children.
Carefully read the accompanying instructions before use.**

Rx Prescription drug

Box of 3 blisters x 10 capsules

Hergamin DHT

140mg

Powdered milk thistle extract 186mg equivalent to silymarin 140mg



DHT
HATAPHAR

SDK (Reg.No.) :
Số lô SX (Lot.No.):
NSX (Mfg.date) :
HD (Exp.date) :



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Rx

1. Tên thuốc: HergaminDHT 140mg

2. Các dấu hiệu cần lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc

“Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc”

“Để xa tầm tay trẻ em”

“Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”

3. Thành phần công thức thuốc: Mỗi viên nang cứng chứa:

Thành phần dược chất:

Cao khô milk thistle (*Extractum silybum marianum siccum*) 186mg tương đương với 140mg silymarin.

Thành phần tá dược: Microcrystallin cellulose, cellactose 80, povidon K30, magnesi stearat, bột talc, colloidal silicon dioxid, vỏ nang cứng.

4. Dạng bào chế: Viên nang cứng.

Mô tả: Viên nang cứng số 0, màu nâu, nang lạnh lặn, không móp méo, bên trong chứa bột thuốc màu vàng.

5. Chỉ định

Hỗ trợ điều trị trong các trường hợp:

- Viêm gan cấp, mạn tính, viêm gan siêu vi, viêm gan do thuốc, do rượu và hóa chất.

- Gan nhiễm mỡ, xơ gan.

- Suy giảm chức năng gan với các biểu hiện: mệt mỏi, chán ăn, ăn uống khó tiêu, dị ứng, lở ngứa, vàng da, bí tiểu, táo bón.

- Bảo vệ và phục hồi chức năng gan cho những người uống nhiều bia rượu hoặc sử dụng thuốc chống lao kéo dài.

6. Cách dùng, liều dùng

+ *Cách dùng:* Uống cùng với nước.

+ *Liều dùng:*

Bệnh gan và xơ gan do rượu: Uống 1 viên/ lần x 3 lần/ngày. Dùng trong vòng 3-6 tháng.

Liều duy trì: 1 viên x 1-2 lần/ngày.

7. Chống chỉ định

Mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc hoặc các cây họ cúc như: Actiso, cúc hoa.
Trẻ em dưới 18 tuổi.

Phụ nữ có thai và đang cho con bú.

Bệnh nhân hôn mê gan, vàng da tắc mật và xơ gan ứ mật tiên phát.

8. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Nếu dùng thuốc không thấy có tiến triển tốt hoặc có tác dụng không mong muốn nên ngừng thuốc và hỏi ý kiến của bác sỹ.

Việc điều trị bằng thuốc này không phải là biện pháp tránh khỏi nguyên nhân gây tổn thương gan (do rượu, thuốc...).

Chưa có dữ liệu nghiên cứu về việc dùng thuốc này cho trẻ em, vì vậy không nên dùng cho trẻ em dưới 18 tuổi.

Dùng thuốc này cùng với thức ăn: Không có hạn chế đặc biệt.

Thuốc có thành phần lactose (thành phần của cellactose 80): Bệnh nhân mắc các rối loạn di truyền hiếm gặp về dung nạp galactose, chứng thiếu hụt lactase Lapp hoặc rối loạn hấp thu glucose-galactose không nên sử dụng thuốc này.

9. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú.

* *Thời kỳ mang thai:* Chưa có dữ liệu an toàn. Không dùng thuốc cho phụ nữ đang mang thai.

* *Thời kỳ cho con bú:* Chưa có dữ liệu an toàn. Không dùng thuốc cho phụ nữ đang cho con bú.



10. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc
Thuốc không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

11. Tương tác, tương kỵ của thuốc

*** Tương tác của thuốc:**

Chưa có tài liệu báo cáo.

*** Tương kỵ của thuốc:** Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

12. Tác dụng không mong muốn của thuốc

Hiếm gặp: Rối loạn tiêu hóa, ỉa chảy, mệt mỏi, nhức đầu.

Rất hiếm gặp: Phản ứng dị ứng, phát ban, ngứa da, khó thở, đỏ bừng mặt, sưng mắt, lưỡi, cổ họng.

Khi thấy các hiện tượng khác lạ phải ngừng sử dụng thuốc.

13. Quá liều và cách xử trí

Quá liều: Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

Cách xử trí: Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

14. Quy cách đóng gói

Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên. Kèm theo đơn hướng dẫn sử dụng thuốc bên trong hộp.

15. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng thuốc

- **Điều kiện bảo quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

- **Hạn dùng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

- **Tiêu chuẩn chất lượng thuốc:** TCCS.

16. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất:

Tên cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 024.33522203 FAX: 024.33522203

ĐT: 024.33824685 FAX: 024.33829054

Hotline: 024.33522525



TU QU CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Ngọc Anh